TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2024/HS-ST
Ngày: 31-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh – Cán bộ hưu trí

Ông Huỳnh Thế Cần – Nguyên bí thư Đoàn phường Thống Nhất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Quang Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 710/2023/TLST-HS ngày 20/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HS ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án số 47/HSST-QĐ ngày 16/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Tăng Văn Đ, sinh năm 1993 tại Trà Vinh. Nơi thường trú: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Nơi cư trú hiện nay: 327/3, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tăng Văn H, (đã chết) và bà Hứa Thị H1, sinh năm 1966; bị cáo là con thứ 01 (Nhất) trong gia đình có 02 (Hai) anh em; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 21/12/2022 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/03/2023.

Nhân thân: Ngày 30/6/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng, đã chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/08/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1298/LTG-HS ngày 14/08/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đ.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

2. Võ Quốc Minh Q, sinh năm 1991 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: 47/3, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ1, (đã chết) và bà Lê Thị T, sinh năm 1958; bị cáo là con thứ 02 (Hai) trong gia đình có 02 (Hai) anh em; đã ly hôn với chị Nguyễn Thị Huỳnh A, sinh năm 1989, có 02 con chung, con lớn nhất sinh năm 2011, con nhỏ nhất sinh năm 2013; sống chung như vợ chồng với chị Võ Ngọc Thảo V, sinh năm 1994, có 01 con chung sinh năm 2022; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 29/12/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tổng hợp với hình phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" của Bản án số 619/2015 ngày 28/10/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, buộc chấp hành chung hình phạt 03 năm tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/02/2018, chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường dân sự.

Nhân thân: Ngày 07/6/2007 bị Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản".

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/9/2023, chuyển tạm giam theo Lệnh số 1565/LTG-CSĐT-DTTH ngày 29/9/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

(Bị cáo có mặt tại phiên toà)

- *Bị hại:*

1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1975 và ông Nguyễn Thế V1, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ: 108C3, khu phố 1, phường An Bình, TP Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

2. Anh Lê Hữu P, sinh năm 1995

Địa chỉ: tổ E, khu phố E, phường A, TP B, tỉnh Đồng Nai

3. Anh Lê Phạm Tuấn A1, sinh năm 1993

Địa chỉ: D, tổ I, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

4. Chị Đinh Duyên M, sinh năm 2005

Địa chỉ: ấp F + 7, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai

5. Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 1984

Địa chỉ: B, C4, khu dân cư A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

6. Anh Đặng Hoàng T1, sinh ngày 01/9/2006

Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của anh T1: Bà Hoàng Thị N. Địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn L1, sinh năm 2000. Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà L, ông V1, anh P, anh Tuấn A2, chị M, chị D, anh T1, bà N, anh L1 – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tăng Văn Đ và Võ Quốc Minh Q là bạn bè quen biết nhau đều là những người không có nghề nghiệp, không có nơi ở ổn định, để có tiền tiêu xài Đen và Q đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Khoảng 22 giờ ngày 28/03/2022 Q cùng với Võ Ngọc Thảo V (là người sống chung như vợ chồng với Q) đi bộ ngang qua quán C1 thuộc tổ G, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, Q đi vào trong quán mua nước uống còn V đứng ngoài chờ, khi vào trong quán Q phát hiện không có người trông coi, trên bàn trong quán cà phê có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2 đang cắm điện sạc pin của anh Đặng Hoàng T1, sinh ngày 01/09/2006 có hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai là nhân viên của quán. Q liền đi vào lấy trộm chiếc điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài cùng V đi về. Đến ngày 29/03/2022 Q mang chiếc điện thoại trên cùng V đến cửa hàng điện thoại tại địa chỉ 2150, Nguyễn Ái Q1, tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, để chiếc điện thoại lại cho anh Đoàn Đình C mở khóa rồi Q và V đi về. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại anh T1 đã đến Công an phường B trình báo, lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2 tạm giữ của anh Đoàn Đình C, là tài sản của anh Đặng Hoàng T1 bị Q trộm cắp sau đó T1 đưa cho anh C để mở khóa, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho anh T1.

- Bản kết luận định giá tài sản số 159/KL-HĐĐGTS ngày 04/05/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2 trị giá: 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

- Về dân sự:

Anh Đặng Hoàng T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường.

Vụ thứ hai:

Khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 27/06/2023 Đ thuê xe G chở đến khu vực chung cư P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, để tìm kiếm xem ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp, sau đó Đ phát hiện trước cửa hành lang khu C4 có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B1-991.46 do chị Lê Thị Hồng D đang quản lý sử dụng. Thấy không có người trông coi, Đ lén lút đi đến dùng đoản bẻ khóa, rồi nổ máy xe tẩu thoát. Sau đó Đ bán chiếc xe trên cho một người không rõ nhân thân lai lịch tại tiệm game bắn cá trong nhà sách N1 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với giá 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tiêu xài cá nhân hết.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60B1-99146 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

+ 01 (một) đoản để phá khóa xe, sau khi sử dụng để trộm cắp, Đ đã vứt bỏ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

- Bản kết luận định giá tài sản số 431/KL-HĐĐGTS ngày 16/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B1 – 991.46, trị giá 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng).

- Về dân sự:

+ Chị Lê Thị Hồng D yêu cầu Tăng Văn Đ phải bồi thường cho chị số tiền 8.610.000đ (Tám triệu sáu trăm mười nghìn đồng). Hiện Đen chưa bồi thường.

Vụ thứ ba:

Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 29/6/2023 Đ gặp Q tại tiệm game bắn cá bên trong nhà sách N1, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Q rủ Đ đi tìm tài sản trộm cắp, Q đưa cho Đ một đoản bằng sắt dùng để phá khóa xe mô tô, rồi Đ điều khiển xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số do Q mượn của một người bạn không rõ nhân thân lai lịch trong tiệm game bắn cá rồi chở Q đi đến chung cư A, thuộc khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Q đứng chờ ở ngoài, còn Đ đi vào khu vực để xe của chung cư dùng đoản phá khóa xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 60C1-542.82 của anh Trần Văn L1 gửi tại bãi xe của chung cư A do bà Trần Thị L trông coi, sau đó Đ đi bộ ra ngoài nói Q đi vào lấy trộm xe, sau đó Q mang đi bán cho một người chưa rõ nhân thân lai lịch được 3.000.000đ (ba triệu đồng), Q chia cho Đen 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen biển số 60C1-542.82 là tài sản do bà Trần Thị L đang quản lý, bị Đ và Q trộm cắp, rồi bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

+ 01 đoản bằng sắt Q đưa cho Đ dùng làm công cụ phạm tội, sau khi sử dụng Đ và Q đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave không rõ biển số do Q mượn của người không rõ nhân thân lai lịch, sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản Q đã trả lại, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 429/KL-HĐĐGTS ngày 16/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 60C1 – 542.82, trị giá 9.297.000đ (Chín triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Về dân sự:

+ Bà Trần Thị L yêu cầu Tăng Văn Đ và Võ Quốc Minh Q phải bồi thường cho bà số tiền 9.297.000đ (Chín triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Hiện Đ và Q chưa bồi thường.

Vụ thứ tư:

Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 03/07/2023 Đ gặp Q tại tiệm game bắn cá trong nhà sách N1, tại đây Q rủ Đ tiếp tục đi tìm tài sản trộm cắp, sau đó Q điều khiển xe mô tô hiệu Dream không rõ biển số do Q mượn của một người không rõ nhân thân

lai lịch trong tiệm game bắn cá chở Đ đi đến trước cửa tiệm cắt tóc trên đường S Hà Nội, thuộc khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì Đ phát hiện có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B3-701.36 của anh Lê Hữu P, đang dựng trên vỉa hè trước cửa tiệm cắt tóc thấy không có người trông coi, Đ nói Q dừng xe chờ còn Đ đi vào lấy trộm chiếc xe trên, dẫn ra ngoài đường, do không mở được khóa xe nên Đ ngồi lên xe mới trộm được để Q điều khiển xe Dream đẩy đi đến tiệm game bắn cá trong nhà sách N1. Sau đó do Đ giữ chiếc xe trên lại để sử dụng và đưa cho Q 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng). Ngày 01/07/2023, Đ đã làm mất chiếc xe trên khi để xe ở khu vực lề đường thuộc phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B3-701.36 là tài sản anh Lê Hữu P, sau khi trộm cắp Đen đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai không thu hồi được.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Dream không rõ biển số, Đ và Q sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản do Q mượn của một người không rõ nhân thân lai lịch, sau khi đi trộm cắp tài sản Q đã trả lại, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 430/KL-HĐĐGTS ngày 16/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B3-701.36, trị giá 30.100.000đ (Ba mươi triệu một trăm nghìn đồng)".

- Về dân sự:

+ Anh Lê Hữu P yêu cầu Tăng Văn Đ và Võ Quốc Minh Q phải bồi thường cho anh số tiền 30.100.000đ (Ba mươi triệu một trăm nghìn đồng). Hiện Đ và Q chưa bồi thường.

Vụ thứ năm:

Khoảng 22 giờ ngày 11/7/2023 Đ và Q gặp nhau trước Nhà sách N1 thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Q rủ Đ đi trộm cắp tài sản. Sau đó Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter không rõ biển số mượn của một người không rõ nhân thân lai lịch trong tiệm game bắn cá chở Đ đi trộm cắp, khi đi đến đoạn đường N thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thì phát hiện có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vison biển số 60G1-053.88 của anh Lê Phạm Tuấn A1 đang dựng trước Phòng khám chuyên khoa tai, mũi, họng tại địa chỉ số F, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thấy không có người trông coi, Q dừng xe lại đứng chờ còn Đ đi đến dẫn xe ra ngoài để Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter đẩy Đen ngồi trên xe mô tô mới trộm được đến Bến xe T gửi rồi đi về. Sau đó Q mang đi bán cho một người chưa rõ nhân thân lai lịch được 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Q chia cho Đ số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn đồng) cả hai đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60G1-053.88 của anh Lê Phạm Tuấn A1. Sau khi trộm, Q mang đi bán cho một người không rõ nhân thân lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu hồi được.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter không rõ biển số, do Q mượn của một người không rõ nhân thân lai lịch, sau khi sử dụng đi trộm cắp tài sản Q đã trả lại, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 435/KL-HĐĐGTS ngày 18/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B đã kết luận: "01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60G1-053.88, trị giá 21.553.000đ (Hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng)".

- Về dân sự:

+ Anh Lê Phạm Tuấn A1 yêu cầu Tăng Văn Đ và Võ Quốc Minh Q phải bồi thường cho anh số tiền 21.553.000đ (hai mươi mốt triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Hiện Đ và Q chưa bồi thường.

Vụ thứ sáu:

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/8/2023 Đ gặp người tên T2 không rõ họ, địa chỉ tại tiệm game bắn cá bên trong nhà sách N1, thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. T2 rủ Đ đi trộm cắp tài sản. T2 đưa cho Đ 01 chiếc đoản bằng sắt dùng để phá khóa xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng không rõ biển số chở Đ ngồi phía sau đi tìm kiếm tài sản để trộm cắp, khi đi đến trước Cửa hàng S1, địa chỉ số G, đường Đ, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, thì Đ và T2 phát hiện có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 35N1 - 545.52 của chị Đinh Duyên M để trước Cửa hàng sơn thấy không có người trông coi, T2 dừng xe đứng chờ còn Đ đi đến dùng đoản phá khóa xe nổ máy rồi điều khiển xe tẩu thoát, sau đó T2 mang xe trộm được đi bán rồi chia cho Đ số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) Đen đã tiêu xài cá nhân hết. Qua điều tra xác minh ngày 03/10/2022 và ngày 14/08/2023 Tăng Văn Đ và Võ Quốc M1 Q bị khởi tố điều tra để xử lý theo quy định.

- Vật chứng vụ án gồm:

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 35N1 - 545.52 là tài sản của chị Đinh Duyên M bị Đ và đối tượng tên T2 chưa rõ nhân thân lai lịch trộm cắp. Sau khi trộm, Đ đưa cho T2 mang đi bán nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B chưa thu hồi được.

+ 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng không rõ biển số, Đ và T2 sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản là xe của T2, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

+ 01 đoản bằng sắt T2 đưa cho Đ dùng làm công cụ phá khóa xe để trộm cắp, sau khi sử dụng Đen đã đưa lại cho T2 hiện chưa làm việc được với T2 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không thu giữ được.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 411/KL-HĐĐGTS ngày 07/08/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 một xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 35N1-545.52 có giá trị định giá 17.040.000đ (mười bảy triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Về dân sự:

+ Chị Đinh Duyên M không yêu cầu bồi thường.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo khai nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như nội dung Cáo trạng đã thể hiện, giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo theo nội dung Cáo trạng. Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tăng Văn Đ với mức hình phạt từ: 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù; Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Quốc Minh Q với mức hình phạt từ: 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù; Áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Về hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo: Tại phiên tòa lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án cũng như phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Khoảng 22 giờ, ngày 28/03/2022 tại quán C1 thuộc tổ G, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Q đã trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2 của anh Đặng Hoàng T1, trị giá 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng).

Khoảng 19 giờ, ngày 27/06/2023 tại khu vực chung cư P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ đã trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60B1-991.46 của chị Lê Thị Hồng D, trị giá 8.610.000đ (Tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Khoảng 17 giờ 10 phút ngày 29/6/2023 tại khu vực nhà để xe chung cư A, khu phố A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ và bị cáo Q đã trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future biển số 60C1-542.82 do bà Trần Thị L đang quản lý, trị giá 9.297.000đ (Chín triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Khoảng 11 giờ 10 phút ngày 03/07/2023 tại trước cửa tiệm cắt tóc trên đường S Hà Nội, thuộc khu phố E, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ và bị cáo Q đã trộm cắp 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B3-701.36 của anh Lê Hữu P, trị giá 30.100.000đ (Ba mươi triệu, một trăm nghìn đồng). Khoảng 22 giờ, ngày 11/7/2023 tại trước Phòng khám C2, mũi, họng địa chỉ số F, tổ B, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ và bị cáo Q đã có hành vi trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60G1-053.88 của anh Lê Phạm Tuấn A1, trị giá 21.553.000đ (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 04/8/2023 tại trước Cửa hàng S1, địa chỉ số G, đường Đ, khu phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Đ và đối tượng tên T2 không rõ họ, địa chỉ đã trộm cắp 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 35N1 - 545.52 của chị Đinh Duyên M, trị giá 17.040.000đ (Mười bảy triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Tổng cộng bị cáo Tăng Văn Đ đã 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng số giá trị tài sản mà bị cáo đã tham gia trộm cắp là 86.600.000đ (T3 mươi sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng). Bị cáo Võ Quốc Minh Q đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng số giá trị tài sản mà bị cáo đã tham gia trộm cắp là 61.750.000đ (Sáu mươi mốt triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Việc truy tố bị cáo theo Cáo trạng số 692/CT-VKSBH ngày 17/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có cơ sở đúng người, đúng tội.

[4]. Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

[4.1]. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sau khi xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4.2]. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không có sự phân công chặt chẽ nhưng cần phân hóa vai trò của từng bị cáo. Bị cáo Đ thực hiện hành vi trộm cắp và tổng số giá trị tài sản chiếm đoạt nhiều hơn bị cáo Q. Do đó, bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn so với bị cáo Q.

[5]. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ, bị cáo Q thực hiện hành vi phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm theo quy định tại điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đ đã ra đầu thú nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6]. Về biện pháp tư pháp và trách nhiệm dân sự:

[6.1]. Đối với tài sản mà bị cáo Q trộm cắp là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2 của anh Đặng Hoàng T1 đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6.2]. Đối với các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại chưa thu hồi được bao gồm:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, biển số 60B1-99146 của chị Lê Thị Hồng D. Chị D yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường lại bằng giá trị số tiền 8.610.000đ (Tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Future màu đen biển số 60C1-542.82 của bà Trần Thị L, ông Nguyễn Thế V1 đang quản lý. Bà L, ông V1 yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo Q phải bồi thường lại bằng giá trị số tiền 9.297.000đ (Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển số 60B3-701.36 của anh Lê Hữu P. Anh P yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo Q phải bồi thường lại bằng giá trị số tiền 30.100.000đ (Ba mươi triệu, một trăm nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision biển số 60G1-053.88 của anh Lê Phạm Tuấn A1. Anh Lê Phạm Tuấn A1 yêu cầu bị cáo Đ và bị cáo Q phải bồi thường lại bằng giá trị số tiền 21.553.000đ (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 35N1 - 545.52 của chị Đinh Duyên M. Chị M không yêu cầu bị cáo Đ phải bồi thường.

[6.3]. Tại phiên toà, các bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại đối với các tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt của bị hại chưa thu hồi được. Do đó, áp dụng Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 686, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ bồi thường cho chị Lê Thị Hồng D số tiền 8.610.000đ (Tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thế V1 số tiền 9.297.000đ (Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thế V1 số tiền 4.648.500đ (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho anh Lê Hữu P số tiền 30.100.000đ (Ba mươi triệu, một trăm nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Hữu P số tiền 15.050.000đ (Mười lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho anh Lê Phạm Tuấn A1 số tiền 21.553.000đ (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Phạm Tuấn A1 số tiền 10.776.500đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

[7]. Về các nội dung khác liên quan đến vụ án:

[7.1]. Đối với đối tượng tên T2 không rõ họ, địa chỉ, đã cùng bị cáo Đ thực hiện hành vi phạm tội, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[7.2]. Bị cáo Tăng Văn Đ còn khai nhận vào khoảng tháng 7/2023 bị cáo Đ trộm cắp một chiếc xe mô tô không rõ nhãn hiệu (kiểu xe Wave) biển số 69F1-087.43 trên đường N thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, sau đó mang đi bán cho Vũ Văn B. Cơ quan điều tra đã xác minh từ tháng 6/2023 đến ngày 13/09/2023 không có ai đến Công an phường H, thành phố B trình báo sự việc. Xác minh theo thông tin biển số 69F1-087.43 không tìm thấy dữ liệu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[7.3]. Đối với chị Võ Ngọc Thảo V, bị cáo Q khai V không biết Q trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi Mi A2. Hiện chị V đã bỏ đi đâu không rõ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

[7.4]. Đối với anh Đoàn Đình C khi nhận mở khóa chiếc điện thoại giúp bị cáo Q. Anh C không biết chiếc điện thoại trên do Q trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý đối với anh C là đúng quy định pháp luật.

[8]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Tăng Văn Đ, Võ Quốc Minh Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Tăng Văn Đ: **04 (Bốn) năm 06 (S) tháng tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 05 tháng 8 năm 2023.

2. Căn cứ điểm b, điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Võ Quốc Minh Q: **04 (B1) năm tù.** Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 26 tháng 9 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 686, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc các bị cáo Tăng Văn Đ bồi thường cho chị Lê Thị Hồng D số tiền 8.610.000đ (Tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thế V1 số tiền 9.297.000đ (Chín triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị L và ông Nguyễn Thế V1 số tiền 4.648.500đ (Bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho anh Lê Hữu P số tiền 30.100.000đ (Ba mươi triệu, một trăm nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Hữu P số tiền 15.050.000đ (Mười lăm triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng).

- Buộc bị cáo Tăng Văn Đ và bị cáo Võ Quốc Minh Q liên đới bồi thường cho anh Lê Phạm Tuấn A1 số tiền 21.553.000đ (Hai mươi mốt triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng). Cụ thể mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh Lê Phạm Tuấn A1 số tiền 10.776.500đ (Mười triệu, bảy trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Tăng Văn Đ, bị cáo Võ Quốc Minh Q, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng)

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Tăng Văn Đ phải nộp: 1.954.000đồng (Một triệu, chín trăm năm mươi tư nghìn đồng). Bị cáo Võ Quốc Minh Q phải nộp: 1.524.000đồng (Một triệu, năm trăm hai mươi tư nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Biên Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an thành phố Biên Hòa;
- Uỷ ban nhân dân phường (xã) của các bị cáo cư trú;
- Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Lê Huy Công